TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRIỆU SƠN
TỈNH THANH HOÁ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 39 /2022/ HNGĐ-ST
Ngày: 31- 5- 2022
V/v " Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU SƠN, TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Thủy
Hội thẩm nhân dân: Lê Hữu Thủy và bà Đỗ Thị Hằng
- Thư ký phiên toà: Ông Lê Sỹ Vĩ- Thư ký Toà án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.
- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Sơn tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan - Kiểm sátviên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 62 /2022/HNGĐ - ST ngày 21 tháng 2 năm 2022 về " Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2022/QĐST- HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 25/2022 ngày 12/5/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Hà Thị C, sinh năm 1990
-Bị đơn: Anh Lê Văn M, sinh năm 1983
Cùng địa chỉ: Thôn 1, xã H, huyện T, tỉnh Thanh Hóa

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện về việc tranh chấp hôn nhân gia đình và bản tự khai cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Hà Thị C trình bày chị và bị đơn là anh Lê Văn M đăng ký kết hôn vào ngày 21 tháng 10 năm 2008 tại UBND xã H, huyện T, tỉnh Thanh Hóa trên cơ sở tự nguyện.

Quá trình chung sống với nhau vợ chồng hạnh phúc được khoảng 05 năm thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh M coi thường vợ con, tính tình vợ chồng không hòa hợp, thường xuyên bất đồng về quan điểm sống, nên chị C thấy áp lực trong công việc lẫn cuộc sống. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Vì vậy chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh M.

Về con chung: Chị C trình bày vợ chồng anh chị có 03 con chung với nhau, tên các cháu là Lê Hà Thủy T, sinh ngày 26/5/2009; Cháu Lê Hà Thủy N, sinh ngày 02/11/2014 và cháu Lê Văn Minh N1, sinh ngày 9/12/2015. Ly hôn nguyện vọng

của chị C được nuôi cháu N và cháu N1, giao cho anh M nuôi cháu T, yêu cầu anh M phải cấp dưỡng nuôi cháu N1 cùng chị mỗi tháng là 3.000.000đ cho đến khi cháu N1 đủ 18 tuổi. Chị C trình bày nghề nghiệp của anh M làm nghề giết mổ trâu, bò, chị C làm nghề buôn bán, thu nhập hàng tháng của chị khoảng 5.000.000đ-7.000.000đ.

Về tài sản và phần nợ: Chị C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn là anh Lê Văn M mặc dù đã được Tòa án tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng và các giấy triệu tập hợp lệ để anh M đến Tòa án trình bày lời khai, tham dự phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ, tham gia phiên tòa, mặc dù thường xuyên có mặt ở nhà và là người trực tiếp nhận các văn bản tố tụng của Tòa án, nhưng anh M không đến Tòa án, không có lý do, từ bỏ quyền của mình theo quy định tại Điều 70; Điều 72 của bộ luật tố tụng dân sự, để mặc cho Tòa án giải quyết vụ án, nên vụ án vẫn được đưa ra xét xử để xem xét và quyết định.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Sơn tham gia phiên tòa có ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng quy định của pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, Điều 56 luật hôn nhân gia đình, xử cho chị C được ly hôn anh M. Về con chung đề nghị áp dụng Điều 81; 82 và 83 luật hôn nhân gia đình, giao cho chị C trực tiếp nuôi cháu N và cháu N1, giao cho anh M nuôi cháu T. Buộc anh M phải cấp dưỡng nuôi cháu N cùng chị C mỗi tháng là 2.000.000đ cho đến khi cháu N1 đủ 18 tuổi. Về án phí chị C phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm, anh M phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1].Về tố tụng: Đây là vụ án hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú trên địa bàn huyện T, tỉnh Thanh Hóa nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh Lê Văn M đã được Tòa án tống đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa để đến Tòa án để tham gia phiên tòa, mặc dù thường xuyên có mặt ở nhà, không vì sự kiện bất khả kháng và trở ngại khách quan nào, nhưng anh M không đến Tòa án, không có lý do. Vì vậy căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2].Về hôn nhân: Chị Hà Thị C và anh Lê Văn M đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện T, tỉnh Thanh Hóa trên cơ sở tự nguyện, có giấy chứng nhận kết hôn số 96/2008, ngày 21/10/2008. Việc đăng ký kết hôn của anh, chị tuân thủ các điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật, được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Xét mâu thuẫn vợ chồng anh chị thì thấy: Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng anh chị không hòa hợp, thường xuyên bất đồng về quan điểm sống, anh M và chị C đều chưa thực sự quan tâm, vun đắp đến tình cảm và hạnh phúc vợ chồng, mâu thuẫn này là nguyên nhân của rạn nứt khác, nên dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Nay chị C xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng anh, chị được ly hôn. Anh M không có bản tự khai, để mặc cho Tòa án giai quyết. Vì vậy căn cứ vào điều 51, Điều 56 luật hôn nhân và gia đình xử cho chị C được ly hôn anh M.

[3]. Về con chung: Vợ chồng anh chị có 03 người con chung với nhau là Lê Hà Thủy T, sinh ngày 26/5/2009; Cháu Lê Hà Thủy N, sinh ngày 02/11/2014 và cháu Lê Văn Minh N1, sinh ngày 9/12/2015. Vì vụ án hôn nhân và gia đình liên quan đến người chưa thành niên, nên ngày 18/ 4/2022 Tòa án tiến hành xác minh về nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp và điều kiện nuôi con của chị chị C và anh M. Tại buổi xác minh UBND xã H cho biết nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng chị C UBND xã không biết, do vợ chồng anh chị không báo cáo và yêu cầu hòa giải tại địa phương. Anh M và chị C đều làm nghề buôn bán, có sức khỏe, và chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật, đều đủ điều kiện nuôi con. Vì vậy đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Xét nguyện vọng nuôi con chung của chị C thì thấy: Anh, chị đều có mức thu nhập và điều kiện kinh tế như nhau, anh chị có 03 người con, cháu Thủy T có nguyện vọng xin được ở với bố và cháu Thủy N có nguyện vọng được ở cùng mẹ, cháu N1 còn nhỏ rất cần sự quan tâm chăm sóc từ người mẹ. Vì vậy để đảm bảo điều kiện học tập và phát triển bình thường của các cháu bé, Hội đồng xét xử giao cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng cháu N và cháu N1, giao cho anh M trực tiếp nuôi cháu T. Buộc anh M phải cấp dưỡng nuôi cháu N1 cùng chị mỗi tháng là 2.000.000đ kể từ tháng 5 năm 2022 cho đến khi cháu N1 đủ 18 tuổi.

[4].Về tài sản: Vợ chồng anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*[5]. Về án phí***:** Chị C và anh M phải chịu án phí theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình, khoản 4 điều 147, Điều 228; Điều 271, khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điểm a, Khoản 5, điểm a khoản 6, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của uỷ ban thường vụ Quốc hội, điểm 1.1, tiểu mục 1, mục II phần A danh mục mức án phí, lệ phí Toà án ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016.

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Hà Thị C. Xử cho chị C được luy hôn anh Lê Văn M.

Về con chung: Giao cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng cháu N và cháu N1, giao cho anh M trực tiếp nuôi cháu T. Buộc anh M phải cấp dưỡng nuôi cháu N1 cùng chị C mỗi tháng là 2.000.000đ kể từ tháng 5 năm 2022 cho đến khi cháu N1 đủ 18 tuổi.

Vợ chồng anh chị đ□ợc quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, người trực tiếp nuôi con và các thành viên trong gia đình không đ□ợc ngăn cấm, cản trở. Nếu trong quá trình nuôi con anh hoặc chị không chăm sóc chu đáo ảnh h□ởng đến sự phát triển sức khỏe, học tập, sinh hoạt của các cháu, thì anh hoặc chị có quyền khởi kiện đến Tòa án yêu cầu thay đổi nuôi con chung.

Về tài sản: Chị C không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh M không có ý kiến gì nên không xét.

Về án phí: Chị Hà Thị C phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm. Số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp tại Chi cục thi hành án huyện Triệu Sơn theo biên lai số AA/2021/0006462 ngày 17 tháng 2 năm 2022 nay trừ vào án phí ly hôn, chị C đã nộp đủ. Buộc Anh Lê Văn M phải nộp 300.000đ tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Tuyên bố cho chị Hà Thị C có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Lê Văn M được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc ngày niêm yết bản án.

***Nơi nhận*:**
- *VKS Triệu Sơn*
- *Các đương sự*
-*UBND xã H*
- *Thi hành án*
- *Lưu hồ sơ*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIEN TÒA

Lê Thị Thủy

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Bá Long **Ngô Thị Mai** **Lê Thị Thủy**